



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/06/2017: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 276 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 20 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|--------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 870/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 09/08/2017 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 08 năm 2017

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.704.983.894	82.623.734.952
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.417.037.622	12.561.415.700
1. Tiền	111		1.301.430.214	4.418.661.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		115.607.408	8.142.753.837
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.693.821.058	32.053.810.108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.502.110.061	32.016.610.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.113.816.106	130.351.416
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		20.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	145.599.355	109.507.089
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(164.966.200)	(202.658.742)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		77.261.736	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	65.186.276.990	37.351.689.278
1. Hàng tồn kho	141		66.106.027.189	38.071.373.938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(919.750.199)	(719.684.660)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		407.848.224	656.819.866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16.a	407.831.058	365.025.297
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17.166	291.794.569
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.359.402.127	55.706.408.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59.256.950	36.256.950
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		53.256.950	36.256.950
2. Phải thu dài hạn khác	216		6.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		32.440.538.996	33.654.459.654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	32.422.344.547	33.631.265.207
- Nguyên giá	222		52.014.527.664	51.503.957.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.592.183.117)	(17.872.692.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.194.449	23.194.447
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.805.551)	(6.805.553)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	7.708.404.761	7.843.563.443
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	7.974.362.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(265.957.407)	(130.798.725)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.958.757.595	2.763.636.365
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.958.757.595	2.763.636.365
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.250.000.000	3.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.942.443.825	8.158.492.100
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16.b	8.942.443.825	8.158.492.100
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		187.064.386.021	138.330.143.464

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		131.704.983.894	82.623.734.952
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.417.037.622	12.561.415.700
1. Tiền	111		1.301.430.214	4.418.661.863
2. Các khoản tương đương tiền	112		115.607.408	8.142.753.837
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.693.821.058	32.053.810.108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.502.110.061	32.016.610.345
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.113.816.106	130.351.416
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		20.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	145.599.355	109.507.089
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(164.966.200)	(202.658.742)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		77.261.736	-
IV. Hàng tồn kho	140	10	65.186.276.990	37.351.689.278
1. Hàng tồn kho	141		66.106.027.189	38.071.373.938
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(919.750.199)	(719.684.660)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		407.848.224	656.819.866
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16.a	407.831.058	365.025.297
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		17.166	291.794.569
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.359.402.127	55.706.408.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		59.256.950	36.256.950
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		53.256.950	36.256.950
2. Phải thu dài hạn khác	216		6.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		32.440.538.996	33.654.459.654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	32.422.344.547	33.631.265.207
- Nguyên giá	222		52.014.527.664	51.503.957.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.592.183.117)	(17.872.692.599)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.194.449	23.194.447
- Nguyên giá	228		30.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.805.551)	(6.805.553)
III. Bất động sản đầu tư	230	13	7.708.404.761	7.843.563.443
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	7.974.362.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(265.957.407)	(130.798.725)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.958.757.595	2.763.636.365
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.958.757.595	2.763.636.365
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.250.000.000	3.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.942.443.825	8.158.492.100
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16.b	8.942.443.825	8.158.492.100
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		187.064.386.021	138.330.143.464

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		84.515.749.584	35.326.800.214
I. Nợ ngắn hạn	310		84.515.749.584	35.326.800.214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	63.944.944.081	16.365.952.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		544.473.816	181.072.224
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	572.593.187	287.283.535
4. Phải trả người lao động	314		4.643.632.345	2.338.472.901
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.207.000.685	1.816.525.444
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	502.200.832	271.517.557
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	12.468.504.210	9.547.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		632.400.428	4.518.976.379
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		102.548.636.437	103.003.343.250
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	102.548.636.437	103.003.343.250
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	5.732.773.462	5.732.773.462
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	18.543.624.132	18.543.624.132
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	7.855.242.619	8.309.949.432
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		944.760.432	246.317.820
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.910.482.187	8.063.631.612
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		187.064.386.021	138.330.143.464



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	161.834.405.750	147.242.906.058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	552.348.913	240.068.395
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		161.282.056.837	147.002.837.663
4. Giá vốn hàng bán	11	26	129.617.246.443	119.860.204.219
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>31.664.810.394</u>	<u>27.142.633.444</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	746.221.967	515.756.505
7. Chi phí tài chính	22	28	607.436.840	1.553.195.723
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		607.381.826	1.136.076.151
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	12.669.061.950	10.038.608.214
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	11.518.324.643	9.191.780.791
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>7.616.208.928</u>	<u>6.874.805.221</u>
11. Thu nhập khác	31		38.897.447	43.276.531
12. Chi phí khác	32		2.438.231	8.766
13. Lợi nhuận khác	40		<u>36.459.216</u>	<u>43.267.765</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>7.652.668.144</u>	<u>6.918.072.986</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	742.185.957	800.568.835
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>6.910.482.187</u>	<u>6.117.504.151</u>



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017 VND	6 tháng đầu năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.652.668.144	6.918.072.986
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.950.813.878	1.666.503.726
- Các khoản dự phòng	03		162.372.997	40.543.328
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.199	(8.137)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(492.004.685)	(366.141.493)
- Chi phí lãi vay	06	28	607.381.826	1.136.076.151
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		9.881.257.359	9.395.046.561
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32.680.235.775)	(21.455.903.479)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10	(28.034.653.251)	(34.398.768.295)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		49.900.135.611	39.857.802.423
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16	(826.757.486)	(722.260.798)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(600.622.769)	(1.126.089.935)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	-	(388.131.460)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		43.000.000	78.200.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.929.575.951)	(4.206.338.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.247.452.262)	(12.966.443.378)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(945.728.953)	(7.475.650.348)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	20.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.000.000)	(51.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		8.000.000	34.200.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	380.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		513.263.126	418.238.655
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(469.465.827)	(6.674.211.693)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	39.936.988.825	55.595.652.138
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(37.015.484.615)	(44.525.282.220)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.348.939.000)	(7.566.659.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.427.434.790)	3.503.710.918
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(11.144.352.879)	(16.136.944.153)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	12.561.415.700	18.377.954.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.199)	8.137
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1.417.037.622	2.241.018.245



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Các đơn vị trực thuộc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29,5

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kỳ ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ↓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ↓ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	318.255.903	145.055.360
Tiền gửi ngân hàng	983.174.311	4.273.606.503
Các khoản tương đương tiền	115.607.408	8.142.753.837
Cộng	1.417.037.622	12.561.415.700

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	1.342.521.400	1.459.664.333
Công ty CP Sách Giáo Dục TP Hồ Chí Minh	1.612.598.804	-
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	490.330.157	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	378.505.858	395.771.099
Công ty CP Học Liệu	147.707.659	270.297.213
Các đối tượng khác	59.530.446.183	29.664.022.351
Cộng	63.502.110.061	32.016.610.345

Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo Dục TPHCM	Chung công ty đầu tư	1.612.598.804	-
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	1.342.521.400	1.459.664.333
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	45.629.099	111.033.894
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	490.330.157	226.855.349
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	378.505.858	395.771.099
Công ty CP Giáo dục An Đông	Công ty con	6.604.170	-
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	147.707.659	270.297.213

7. Trả trước cho người bán

	30/06/2017	01/01/2017
JIANGXI PHENIX OPTICAL IM&EXP CO.,Ltd.	800.572.500	-
Các đối tượng khác	313.243.606	130.351.416
Cộng	1.113.816.106	130.351.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	61.657	-	21.320.098	-
Tạm ứng	141.624.340	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	5.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	2.651.250	-	2.791.650	-
Phải thu khác	1.262.108	-	80.395.341	-
Cộng	145.599.355	-	109.507.089	-

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(96.627.200)	(113.919.700)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(32.082.050)	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	(18.934.273)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	(36.256.950)	(69.804.769)
Cộng	(164.966.200)	(202.658.742)

10. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.867.319.784	(39.433.380)	7.145.285.040	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.392.468.469	-	2.647.759.383	-
Thành phẩm	11.512.096.931	(95.814.742)	9.872.349.705	(665.226)
Hàng hóa	44.334.142.005	(784.502.077)	18.405.979.810	(719.019.434)
Cộng	66.106.027.189	(919.750.199)	38.071.373.938	(719.684.660)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 30/06/2017 là 2.094.117.109 đồng;

Tại thời điểm 30/06/2017 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	35.481.486.149	9.631.585.287	5.451.917.909	938.968.461	51.503.957.806
Mua sắm trong kỳ	-	-	423.961.818	-	423.961.818
Đ/tư XD/CB h/thành	177.772.720	-	-	-	177.772.720
T/lý, nhượng bán	-	-	-	91.164.680	91.164.680
Số cuối kỳ	35.659.258.869	9.631.585.287	5.875.879.727	847.803.781	52.014.527.664
Khấu hao					
Số đầu kỳ	9.978.726.171	5.700.310.749	1.568.289.126	625.366.553	17.872.692.599
Khấu hao trong kỳ	651.182.656	662.645.196	421.152.034	75.675.312	1.810.655.198
T/lý, nhượng bán	-	-	-	91.164.680	91.164.680
Số cuối kỳ	10.629.908.827	6.362.955.945	1.989.441.160	609.877.185	19.592.183.117
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	25.502.759.978	3.931.274.538	3.883.628.783	313.601.908	33.631.265.207
Số cuối kỳ	25.029.350.042	3.268.629.342	3.886.438.567	237.926.596	32.422.344.547

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2017 là 16.263.645.887 đồng

Nguyên giá TSCĐ HH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 2.767.699.807 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	30.000.000	30.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	6.805.553	6.805.553
Khấu hao trong kỳ	4.999.998	4.999.998
Số cuối kỳ	11.805.551	11.805.551
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	23.194.447	23.194.447
Số cuối kỳ	18.194.449	18.194.449

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	7.974.362.168	7.974.362.168
Đ/tư XD/CB h/thành	-	-
Số cuối kỳ	7.974.362.168	7.974.362.168
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	130.798.725	130.798.725
Khấu hao trong kỳ	135.158.682	135.158.682
Số cuối kỳ	265.957.407	265.957.407
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	7.843.563.443	7.843.563.443
Số đánh giá lại cuối kỳ	7.708.404.761	7.708.404.761

Bất động sản đầu tư là một phần của tòa nhà tại 780 Nguyễn Kiệm, sử dụng để cho Công ty CP Giáo dục An Đông (công ty con) thuê làm cơ sở dạy học.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017	01/01/2017
Công trình 223 Nguyễn Tri Phương	-	454.545.455
Công trình 104/5 Mai Thị Lựu	2.467.848.504	1.818.181.819
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	490.909.091	490.909.091
Cộng	2.958.757.595	2.763.636.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2017				01/01/2017				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					2.760.000.000	-		2.760.000.000	-
- Công ty CP Giáo dục An Đông	Đang hoạt động	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	276.000	2.760.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác					490.000.000	-		490.000.000	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	49.000	490.000.000	-
Cộng					3.250.000.000	-		3.250.000.000	-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017 của các công ty nhận đầu tư với vốn chủ sở hữu được báo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	39.187.505	70.219.093
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	368.643.553	294.806.204
Cộng	407.831.058	365.025.297

b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	191.766.427	236.572.415
Sửa chữa, chi phí phân bổ 223 Nguyễn Tri Phương	1.111.160.270	83.883.609
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	-	27.666.674
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	23.380.412	37.408.664
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.482.320.199	7.577.033.115
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	133.343.069	194.886.023
Chi phí trả trước dài hạn khác	473.448	1.041.600
Cộng	8.942.443.825	8.158.492.100

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055. Đến thời điểm 30/06/2017, Quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank – CN Bình Tây.

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	6.424.084.501	445.923.195
Công ty CP DV XBGD Gia Định	1.580.849.200	2.544.858.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	32.722.697.455	274.177.439
Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển GD Hà Nội	2.295.478.920	4.174.320
Các đối tượng khác	20.921.834.005	13.096.818.520
Cộng	63.944.944.081	16.365.952.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	6.424.084.501	445.923.195
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	-	27.717.026
Công ty CP Đầu tư PT GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	582.800	582.800
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	66.456.510	45.785.780
Công ty CP DV XBGD Gia Định	Chung công ty đầu tư	1.580.849.200	2.544.858.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	Chung công ty đầu tư	32.722.697.455	274.177.439
Công ty CP ĐT và PT GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.295.478.920	4.174.320

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Còn phải nộp	Nộp thừa	Phải nộp	Đã nộp	Còn phải nộp	Nộp thừa
Thuế GTGT	174.001.303	-	338.112.918	407.422.022	104.692.199	-
Thuế nhập khẩu	-	-	2.755.924	2.755.924	-	-
Thuế TNDN	-	274.284.969	742.185.957	-	467.900.988	-
Thuế thu nhập cá nhân	113.282.232	-	355.424.981	468.724.379	-	17.166
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	17.509.600	2.718.938.502	2.701.428.902	-	-
Các loại phí, thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	287.283.535	291.794.569	4.166.418.282	3.589.331.227	572.593.187	17.166

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng môi giới	965.005.429	1.746.525.444
Lãi vay	6.759.057	-
Các khoản khác	235.236.199	70.000.000
Cộng	1.207.000.685	1.816.525.444

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Cổ tức phải trả	46.967.557	30.717.557
Các khoản phải trả khác	455.233.275	240.800.000
- Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	355.000.000	240.800.000
- Tài sản thừa chờ xử lý	100.233.275	-
Cộng	502.200.832	271.517.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	9.547.000.000	39.936.988.825	37.015.484.615	12.468.504.210
- Vay cá nhân (i)	9.547.000.000	-	4.650.000.000	4.897.000.000
- Vietcombank CN Bình Tây (ii)	-	27.936.988.825	20.365.484.615	7.571.504.210
- NH TMCP Công thương CN 5	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
Cộng	9.547.000.000	39.936.988.825	37.015.484.615	12.468.504.210

- (i) Vay các cá nhân theo các hợp đồng vay tín chấp thời hạn không quá 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng hợp đồng vay (không cao hơn lãi suất vay NH thương mại cùng thời điểm).
- (ii) Vay ngắn hạn Vietcombank – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 290B16 ngày 26/07/2016. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng gắn liền với đất tại thửa đất số 1, phần lô CN3, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, thị xã Thủ Dầu 1, Tỉnh Bình Dương.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNS1 chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.082.480.590	17.893.331.260	7.611.506.820
Tăng trong năm	-	-	650.292.872	650.292.872	13.005.857.439
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.307.414.827
Số dư tại 31/12/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.732.773.462	18.543.624.132	8.309.949.432
Số dư tại 01/01/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.732.773.462	18.543.624.132	8.309.949.432
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.910.482.187
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.365.189.000
Số dư tại 30/06/2017	56.655.300.000	13.761.696.224	5.732.773.462	18.543.624.132	7.855.242.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.309.949.432	7.611.506.820
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	6.910.482.187	6.117.504.151
Phân phối lợi nhuận	7.365.189.000	7.365.189.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	7.365.189.000	7.365.189.000
- Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	7.855.242.619	6.363.821.971

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ/ĐHĐCĐ_17 ngày 08/04/2017 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này từ ngày 30/03/2017.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	30/06/2017	01/01/2017
Ngoại tệ (USD)	499,62	501,27

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số tiền	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhi	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	90.978.273.676	86.616.019.840
Doanh thu thiết bị giáo dục	69.112.441.165	59.882.472.588
Doanh thu khác	1.743.690.909	744.413.630
Cộng	161.834.405.750	147.242.906.058

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Hàng bán bị trả lại	552.348.913	240.068.395
Cộng	552.348.913	240.068.395

26. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn sách và sản phẩm in	82.130.726.530	76.915.071.953
Giá vốn thiết bị giáo dục	45.967.953.223	42.383.700.058
Giá vốn khác	1.318.501.151	551.296.611
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	200.065.539	10.135.597
Cộng	129.617.246.443	119.860.204.219

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.804.685	149.861.566
Cổ tức, lợi nhuận được chia	445.200.000	196.800.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	254.177.255	169.073.393
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	40.027	13.409
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	8.137
Cộng	746.221.967	515.756.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền vay	607.381.826	1.136.076.151
Chiết khấu thanh toán nhanh	-	416.537.763
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	520.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	29.815	61.736
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	25.199	-
Cộng	607.436.840	1.553.195.723

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương, các khoản trích theo lương	9.294.764.032	6.971.588.336
Khấu hao TSCĐ	163.841.350	133.559.660
Chi phí vận chuyển	854.175.411	562.527.589
Tiền thuê đất	970.696.008	968.867.844
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	373.890.546	343.949.736
Các khoản khác	1.011.694.603	1.058.115.049
Cộng	12.669.061.950	10.038.608.214

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tiền lương, trích theo lương	6.334.079.917	4.678.723.767
Khấu hao TSCĐ	452.904.904	364.865.662
Thù lao HĐQT	355.000.000	254.000.000
Tiền thuê đất	1.183.953.661	1.208.900.220
Các khoản khác	3.192.386.161	2.685.291.142
Cộng	11.518.324.643	9.191.780.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.652.668.144	6.918.072.986
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	8.864.529.655	6.098.567.726
- Hoạt động không được ưu đãi	(1.211.861.511)	819.505.260
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(230.808.571)	168.351.633
Điều chỉnh tăng	214.391.429	365.159.770
- Chi phí không được trừ	214.366.230	365.159.770
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	25.199	-
Điều chỉnh giảm	445.200.000	196.808.137
- Cổ tức lợi nhuận được chia	445.200.000	196.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	-	8.137
Tổng thu nhập chịu thuế	7.421.859.573	7.086.424.619
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.421.859.573	6.167.160.884
- Hoạt động không được ưu đãi	-	919.263.735
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	742.185.957	800.568.835
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	742.185.957	616.716.088
- Hoạt động không được ưu đãi	-	183.852.747
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	742.185.957	800.568.835
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	742.185.957	800.568.835
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.779.353.668	20.107.683.820
Chi phí nhân công	18.206.923.831	13.993.844.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.815.655.196	1.666.503.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.880.941.568	6.420.094.309
Chi phí khác bằng tiền	2.368.406.858	2.167.698.052
Cộng	51.051.281.121	44.355.824.896

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2017	01/01/2017
	USD	USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	499,62	501,27

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30/06/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	63.944.944.081	-	63.944.944.081
Chi phí phải trả	1.207.000.685	-	1.207.000.685
Vay và nợ thuê tài chính	12.468.504.210	-	12.468.504.210
Phải trả khác	401.967.557	-	401.967.557
Cộng	78.022.416.533	-	78.022.416.533
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	16.365.952.174	-	16.365.952.174
Chi phí phải trả	1.816.525.444	-	1.816.525.444
Vay và nợ thuê tài chính	9.547.000.000	-	9.547.000.000
Phải trả khác	271.517.557	-	271.517.557
Cộng	28.000.995.175	-	28.000.995.175

Hiện tại, Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.417.037.622	-	1.417.037.622
Phải thu khách hàng	63.337.143.861	-	63.337.143.861
Phải thu về cho vay	20.000.000	53.256.950	73.256.950
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	3.975.015	6.000.000	9.975.015
Cộng	64.778.156.498	549.256.950	65.327.413.448
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.561.415.700	-	12.561.415.700
Phải thu khách hàng	31.813.951.603	-	31.813.951.603
Phải thu về cho vay	-	36.256.950	36.256.950
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	109.507.089	-	109.507.089
Cộng	44.484.874.392	526.256.950	45.011.131.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2017, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSĐĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Mua hàng			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	15.820.800	13.799.100
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng SGK, bìa bao	63.348.375.151	61.721.123.650
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng SGK, VHP	140.160.265	278.174.446
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	54.040.000	52.780.000
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng SGK, VHP	29.108.340.495	26.449.344.303
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	2.136.320.457	1.973.538.724
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Mua sách	-	6.353.916.800
Công ty CP Sách Dân Tộc	Mua sách	125.670.730	78.752.600
Công ty CP ĐT và PT GD Hà Nội	Mua sách	4.275.941.505	2.226.590
Bán hàng			
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	10.238.947.260	5.757.343.713
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Sách	2.481.082.184	1.266.068.952
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	201.130.676	858.164.060
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	12.444.118.813	5.841.424.720
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Sách, dịch vụ	1.686.801.684	740.464.606
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Sách, thiết bị	23.047.470	67.463.730
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	646.378.467	868.405.426
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	651.018.669	1.441.441.020
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Sách, thiết bị	3.022.024.075	4.296.823.347

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2017